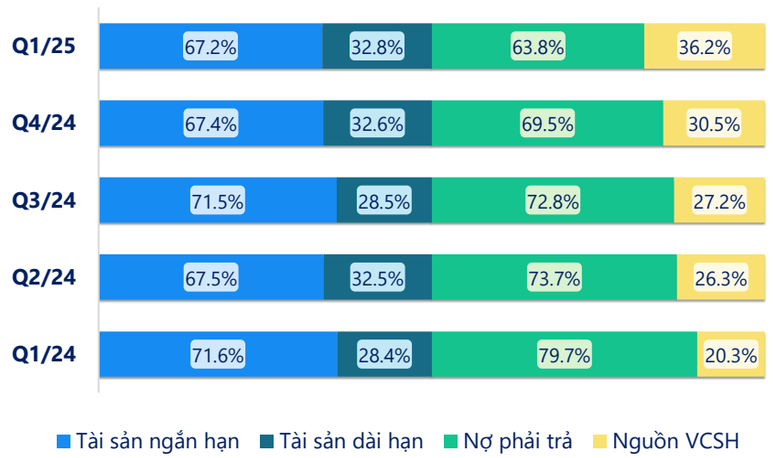
FireAnt

CTCP Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO (UPCOM: ICN)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	71,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	80,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	37,823
SL cổ phiếu LH	20,399,960
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,500
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,459
P/E	5.0
EPS	14,287

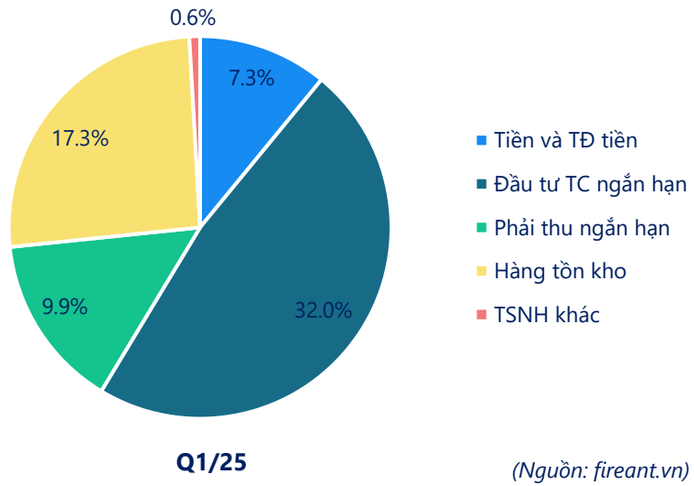
	YTD	1T	3T	6T
ICN	14.4%	-0.1%	15.5%	60.3%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



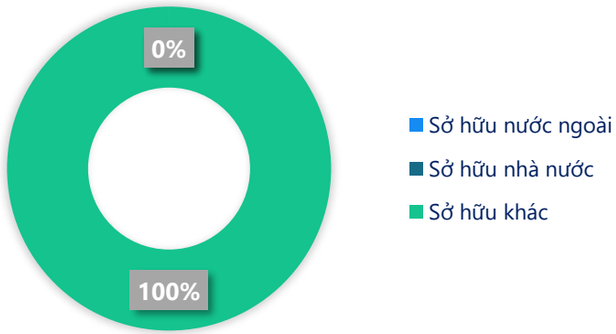
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



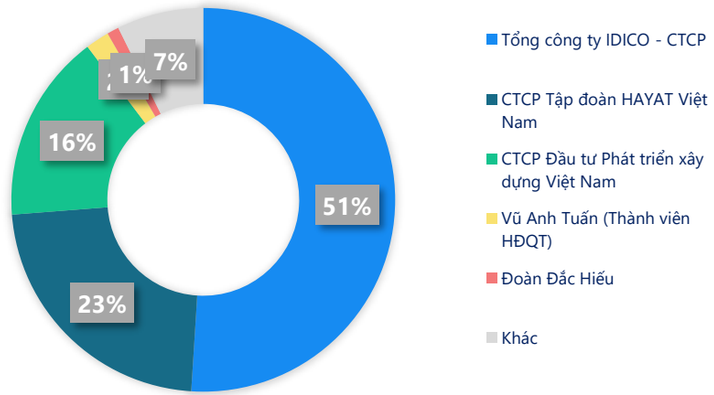
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



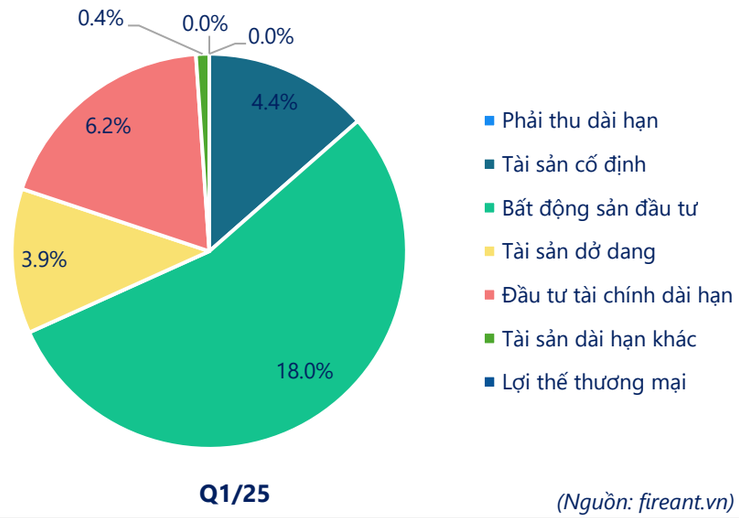
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

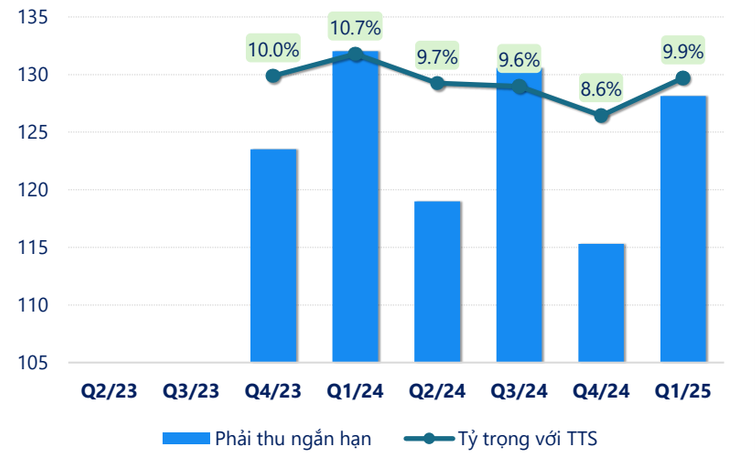
CTCP Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO (UPCOM: ICN)

Tiền và tương đương tiền



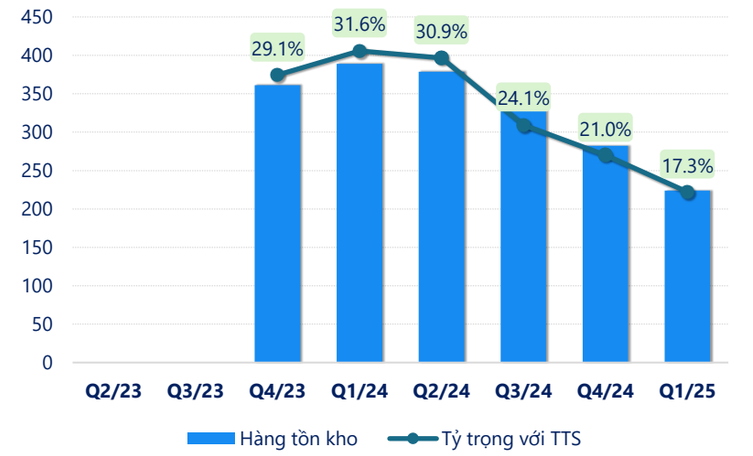
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



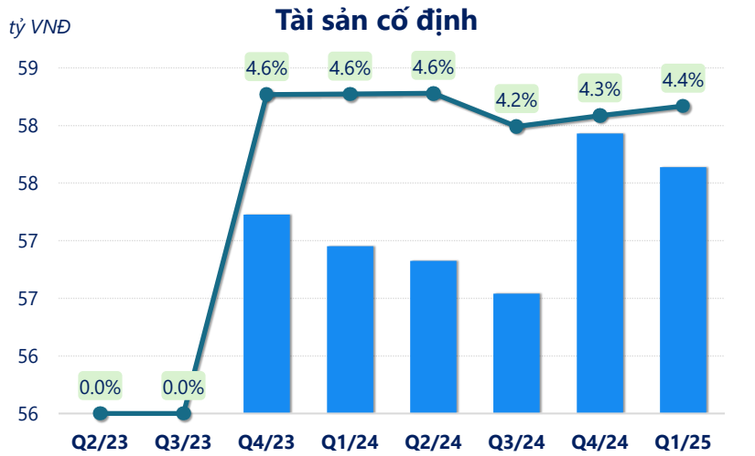
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



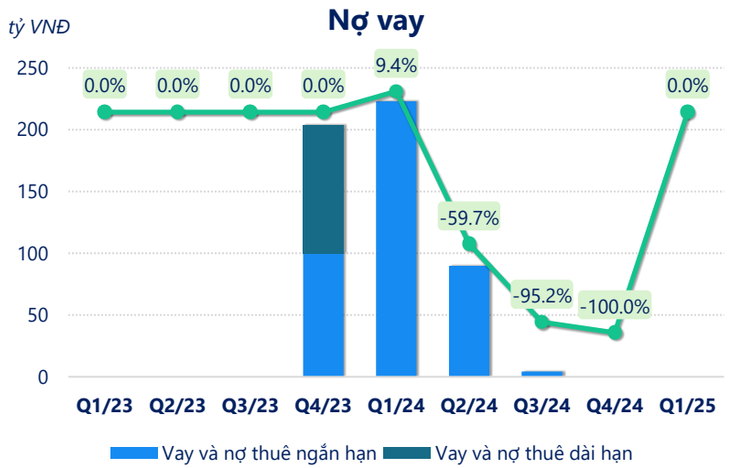
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



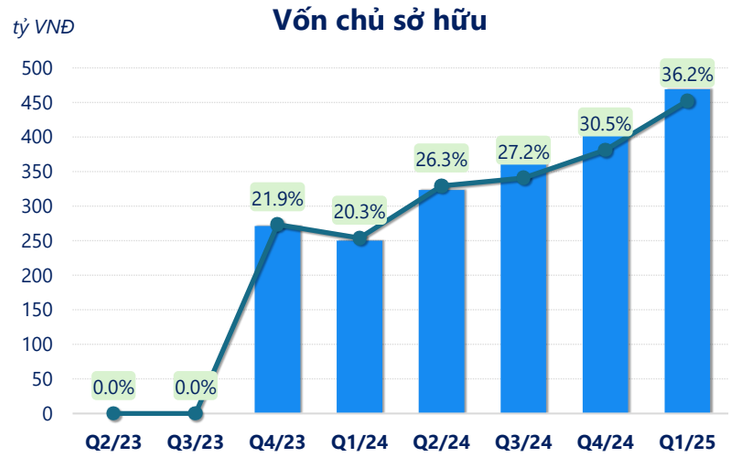
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

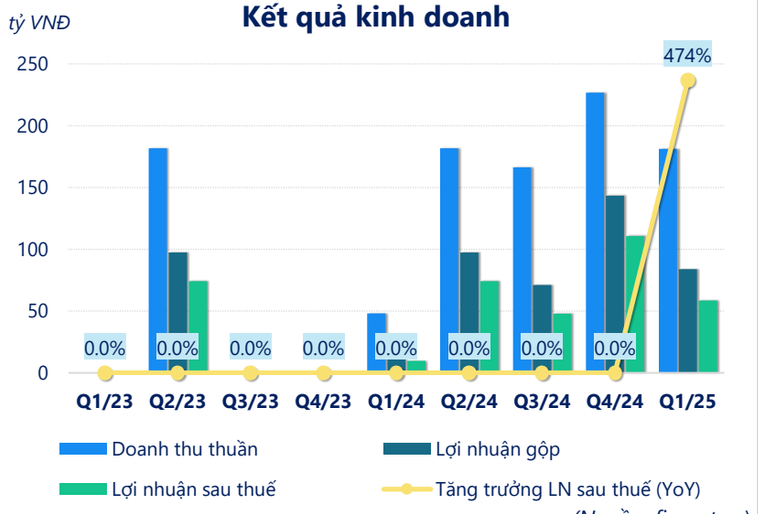


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

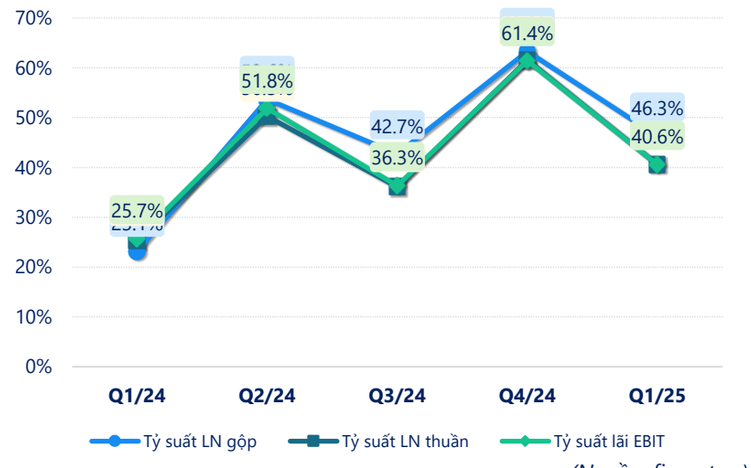
CTCP Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO (UPCOM: ICN)

Kết quả kinh doanh



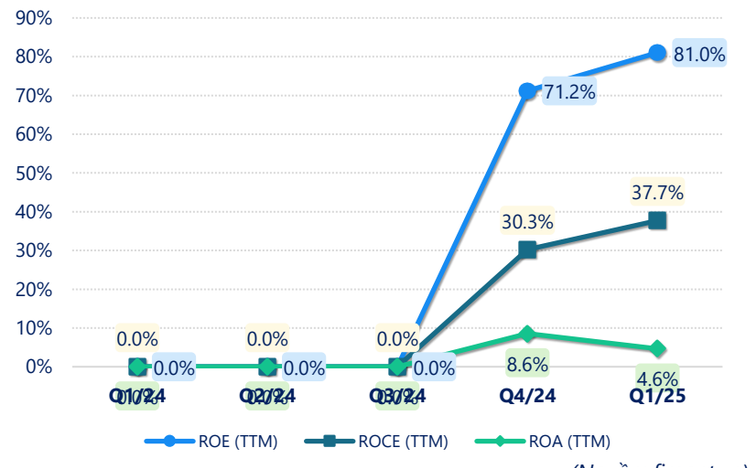
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



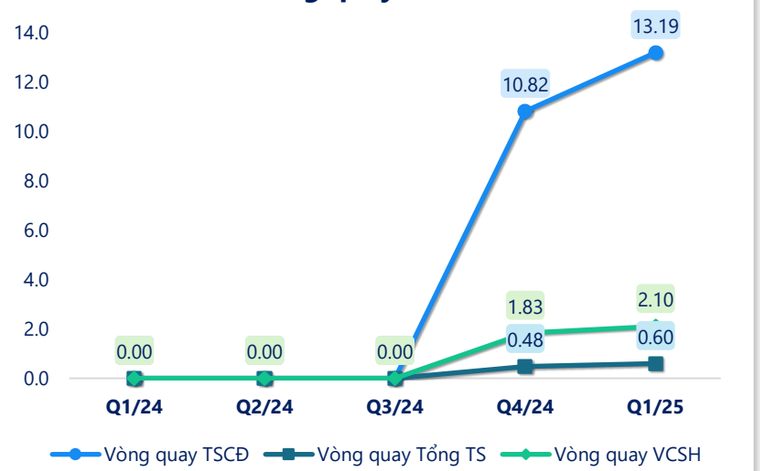
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



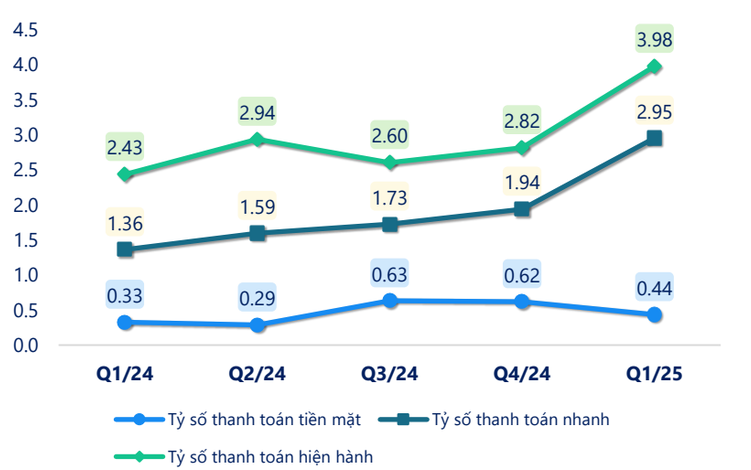
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



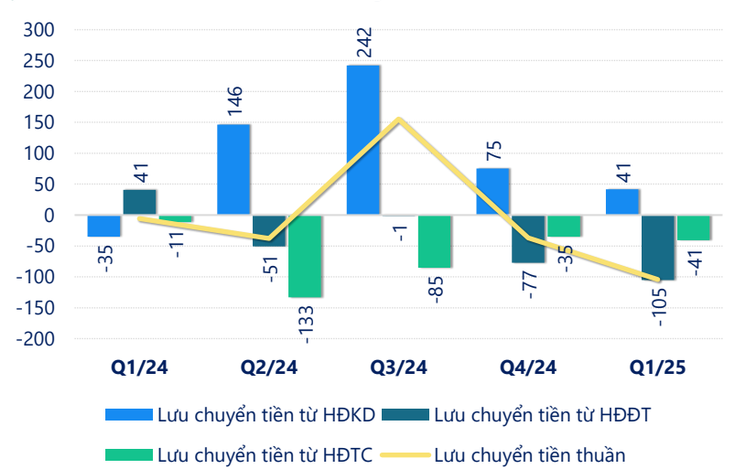
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO (UPCOM: ICN)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,296**	**1,345**	**-3.6%**
Tài sản ngắn hạn	870	907	-4.0%
Tiền và tương đương tiền	95.2	200	-52.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	415	296	40.4%
Phải thu ngắn hạn	128	115	11.1%
Hàng tồn kho	224	282	-20.7%
Tài sản ngắn hạn khác	7.83	13.9	-43.6%
Tài sản dài hạn	**426**	**438**	**-2.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	57.6	57.9	-0.5%
Bất động sản đầu tư	233	235	-0.8%
Tài sản dở dang	50.5	49.8	1.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	80.0	90.0	-11.1%
Tài sản dài hạn khác	**4.62**	**5.69**	**-18.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	827	934	-11.5%
Nợ ngắn hạn	**219**	**322**	**-32.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	6.85	9.46	-27.7%
Nợ dài hạn	608	613	-0.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**469**	**410**	**14.3%**
Vốn chủ sở hữu	**469**	**410**	**14.3%**
Vốn điều lệ	204	204	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	48.1	182	166	227	181
Giá vốn hàng bán	37.0	84.2	95.4	83.2	97.4
Lợi nhuận gộp	11.1	97.4	71.1	143	83.9
Doanh thu HĐTC	4.76	4.51	4.48	7.31	7.40
Chi phí TC	0.18	3.11	3.22	0.95	3.02
Chi phí lãi vay	0.18	1.86	0.42	0.03	0.04
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	3.63	7.85	3.72	9.75
Chi phí QLDN	3.53	3.94	4.38	6.55	5.02
LN thuần từ HĐKD	12.2	91.3	60.1	140	73.5
Lợi nhuận khác	0	0.97	-0.04	-0.42	0
LN trước thuế	12.2	92.3	60.1	139	73.5
Lợi nhuận sau thuế	9.74	74.1	47.9	111	58.6
LNST của CĐ cty mẹ	9.74	74.1	47.9	111	58.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-35.0	146	242	75.4	41.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	40.9	-50.9	-1.50	-77.2	-105
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-11.4	-133	-85.4	-35.0	-40.7
Tiền đầu kỳ	124	119	81.0	236	200
Lưu chuyển tiền thuần	**-5.51**	**-37.7**	**155**	**-36.9**	**-104**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.09	-0.06	0.07	0.00
Tiền cuối kỳ	119	81.0	236	200	95.2

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic